

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

B, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Triệu Tiến Đ**, sinh năm 1990;

Bị đơn: Chị **Nông Thị H**, sinh năm 1997;

Đều trú tại: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Triệu Tiến Đ và chị Nông Thị H.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Tiến Đ và chị Nông Thị H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Triệu Tiến Đ và chị Nông Thị H xác định có 01 con chung là Triệu Quý Hải Đ – Sinh ngày 15/7/2018 (con khỏe mạnh, phát triển bình thường). Ly hôn anh Triệu Tiến Đ và chị Nông Thị H thỏa thuận chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Sau khi ly hôn anh Triệu Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị H không yêu cầu anh Triệu Tiến Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Triệu Tiến Đ và chị Nông Thị H xác định không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Triệu Tiến Đ tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Đ đã nộp theo biên lai số 08724, ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Anh Đ được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Nông Thị H không phải chịu án phí ly hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đường sự ;
- UBND xã S, huyện B
- , tỉnh Bắc Kạn (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Triệu Thị Huyền

